Chi tiết mã HS 2712.90.10

Mã HS	2712.90.10
Mô tả hàng hóa	Vazơlin (petroleum jelly); sáp parafin, sáp dầu lửa vi tinh thể, sáp than cám, ozokerite, sáp than non, sáp than bùn, sáp khoáng khác, và sản phẩm tương tự thu được từ quy trình tổng hợp hoặc quy trình khác, đã hoặc chưa nhuộm màu / - Loại khác: / - - Sáp parafin
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 20:45:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/27129010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3356
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3356
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3356
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3356
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3353
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3314
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3314
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3314
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3314
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3314
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3314
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3352
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3352

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3352
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3352
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3352
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3352
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3356
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3356
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3356
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3356
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3356
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3356
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3356
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3320
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3316
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3316
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3316
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3316
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3316
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3316
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3316
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3316
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3316
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3316
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3316
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3316
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3363
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3363

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3363
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3363
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3363
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3363
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3360
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3360
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3360
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3360
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3360
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3360
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D3368
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E3368
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F3368
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G3368
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H3368
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3368
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3339
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3339
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3339
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3339
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3339
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3339
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3341
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3341
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3341
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3341

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3341
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3341
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3339
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3339
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3339
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3339
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3339
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3339
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3339
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3360
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3360
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3360
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3360
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3360
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3360
RCEP B	2022	2022	0	B!D3360
RCEP B	2023	2023	0	B!E3360
RCEP B	2024	2024	0	B!F3360
RCEP B	2025	2025	0	B!G3360
RCEP B	2026	2026	0	B!H3360
RCEP B	2027	2027	0	B!I3360
RCEP C	2022	2022	0	C!D3360
RCEP C	2023	2023	0	C!E3360
RCEP C	2024	2024	0	C!F3360
RCEP C	2025	2025	0	C!G3360
RCEP C	2026	2026	0	C!H3360

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3360
RCEP D	2022	2022	0	D!D3360
RCEP D	2023	2023	0	D!E3360
RCEP D	2024	2024	0	D!F3360
RCEP D	2025	2025	0	D!G3360
RCEP D	2026	2026	0	D!H3360
RCEP D	2027	2027	0	D!I3360
RCEP E	2022	2022	0	E!D3363
RCEP E	2023	2023	0	E!E3363
RCEP E	2024	2024	0	E!F3363
RCEP E	2025	2025	0	E!G3363
RCEP E	2026	2026	0	E!H3363
RCEP E	2027	2027	0	E!I3363
RCEP F	2022	2022	0	F!D3360
RCEP F	2023	2023	0	F!E3360
RCEP F	2024	2024	0	F!F3360
RCEP F	2025	2025	0	F!G3360
RCEP F	2026	2026	0	F!H3360
RCEP F	2027	2027	0	F!I3360
VIFTA	2024	2024	2	VI!F3099
VIFTA	2025	2025	1	VI!G3099
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3099
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3099

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2712.90 có 2 dòng thuế; dòng 2712.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Sáp parafin.	2712.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2712.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2712.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3356), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.